

Bản án số: 19/2022/DS-ST

Ngày: 18/4/2022

V/v “tr/c hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Bá D

Ông Nguyễn Văn Hết

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát sát nhân dân huyện Mỏ cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 185/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 71/2022/QĐST-DS ngày 12/4/2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Cẩm T, sinh 1985; *Trú tại:* Ấp Tân Hòa A, xã Minh Đ, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre. Người đại diện: Nguyễn Thanh H, sinh 1993; Trú tại ấp Cái T, xã Hưng Khánh Trung A, huyện Mỏ Cày B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

* **Bị đơn:** Phạm Hữu D, sinh 1967 (vắng mặt không có lý do); Lê Thị T, sinh 1967 (có mặt): Cùng trú tại: Ấp Tân Thành H, xã Tân Tr, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh H trình bày: Trước đây trong khoảng thời gian từ năm 2019 chị T có hợp đồng bán thức ăn chăn nuôi gia súc với vợ chồng ông D, bà T, hai bên thỏa thuận khi nào ông D bán heo thì thanh toán tiền, thời gian bán heo khoảng 3 đến 4 tháng kể từ ngày mua thức ăn. Do phía ông D không thực hiện đúng cam kết trả nợ nên ngày

28/12/2019 hai bên chấm dứt việc mua bán và tổng kết sổ thì phía ông D còn nợ chị T tổng cộng 21.163.000 đồng, từ đó đến nay không trả. Nay yêu cầu ông D, bà T liên đới trả số tiền trên cho chị T. Đối với phần lãi suất, trước đây trong đơn khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu, nhưng nay thấy điều kiện gia cảnh của bà T, ông D khó khăn, nên nguyên đơn tự nguyện cho bị đơn phần lãi suất, không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa bà T trình bày: Thừa nhận vợ chồng có hợp đồng mua thức ăn của của chị T và còn nợ chị T số tiền 21.163.000 đồng như phía nguyên đơn trình bày. Do chăn nuôi thua lỗ, nên đồng ý vợ chồng liên đới trả số tiền trên cho chị T nhưng xin trả dần mỗi tháng trả 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đến khi tắt nợ.

Bị đơn ông D vắng mặt tại phiên tòa và không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn ông D không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, nhưng việc vắng mặt của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả vốn gốc 21.163.000 đồng, về lãi suất đề nghị ghi nhận nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quyền khởi kiện: Chị T cho rằng quyền lợi của chị bị xâm phạm bởi hợp đồng mua bán tài sản giữa chị T với vợ chồng ông D, nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị T có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của chị T là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc mua bán tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Tân Trung, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên xác lập giao dịch mua bán vào năm 2019, đến ngày 28/12/2019 do bị đơn vi phạm nghĩa vụ, nên các bên chấm dứt hợp đồng (nghĩa là quyền lợi của nguyên đơn bị xâm phạm từ ngày 29/12/2019). Đến ngày 01/12/2021 thì nguyên đơn khởi kiện, nên thời hiệu khởi kiện trong vụ án vẫn còn.

*** Về nội dung giải quyết vụ án:**

[1] Giao dịch mua bán tài sản giữa các bên được hai bên thừa nhận có thật và phía bà T cũng thừa nhận vợ chồng bà đã vi phạm nghĩa vụ và còn nợ chị T số tiền

21.163.000 đồng. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh và việc bà T xin trả dần không được phía đại diện nguyên đơn chấp nhận, nên buộc ông D, bà T phải có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ số tiền trên cho chị T là phù hợp.

[2] Đối với phần lãi suất, trước đây trong đơn khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu, nhưng tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện cho bị đơn phần lãi suất, không yêu cầu trả lãi, đây là ý chí tự nguyện nên ghi nhận.

[3] Do ông D, bà T vi phạm nghĩa vụ, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự; Điều 37 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Cẩm T. Buộc ông Phạm Hữu D, bà Lê Thị T liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm T số tiền vốn gốc 21.163000 (hai mươi một triệu một trăm sáu mươi ba ngàn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của chị T, nếu ông D, bà T chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông D, bà T liên đới chịu 1.058.000 đồng. Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 626.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001654 ngày 27/12/2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn bà T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn ông D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam (1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

